

Số: 01/2024.BT.DLS

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 12 năm 2024

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Đối tượng thông tin : Y bác sĩ, hộ sinh, điều dưỡng khoa lâm sàng.
Nội dung thông tin : Hướng dẫn sử dụng một số thuốc uống cần lưu ý về dạng bào chế cho bệnh nhân nội, ngoại trú.

STT	Mã số	Tên hoạt chất - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Diễn giải	Hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách dùng thuốc
	Thuốc giải phóng kéo dài					
1	TY44012	Alfuzosin-5mg	ALANBOSS XL 5	Viên nén phóng thích kéo dài.	Dạng bào chế viên nén phóng thích kéo dài.	Uống nguyên viên thuốc với một ly nước, không được nhai, bẻ đôi, làm vỡ hoặc nghiền viên thuốc.
2	TY41001	Alfuzosin HCl-10mg	XATRAL XL 10MG			
3	TY44013		ALANBOSS XL 10			
4	TY42012	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)-30mg	VASOTRATE-30 OD	Viên nén bao phim phóng thích kéo dài.	Dạng bào chế viên nén bao phim phóng thích kéo dài.	Uống nguyên viên không được nghiền hoặc nhai.
5	TY43022 TY44282	Trimetazidin dihydroclorid-35mg	VASHASAN MR	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài.	Dạng bào chế viên nén bao phim tác dụng kéo dài.	Uống 1 viên buổi sáng và 1 viên buổi tối với một cốc nước vào bữa ăn.
6	TĐP04.075	Gliclazid-30mg	PYME DIAPRO MR	Viên nén giải phóng có kiểm soát.	Dạng bào chế viên nén giải phóng thích có kiểm soát.	Uống nguyên viên thuốc, không nhai, không nghiền viên trước khi uống. Uống một liều duy nhất trong bữa ăn sáng.
7	TĐP02.073		GLUMERON 30 MR			
8	TY44189	Metformin-1.000mg	METSAV 1000 XR	Viên nén phóng thích kéo dài.	Dạng bào chế viên nén phóng thích kéo dài.	Uống nguyên viên thuốc với nước, không nhai hoặc bẻ đôi, làm vỡ viên thuốc.

STT	Mã số	Tên hoạt chất - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Diễn giải	Hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách dùng thuốc
9	TY44137	Gliclazid-60mg	GOLATADIN 60 MR	Viên nén giải phóng có biến đổi.	Dạng bào chế viên nén giải phóng có biến đổi.	Nuốt 1/2 viên nén hoặc cả viên nguyên vẹn. Không nhai hoặc làm vỡ viên thuốc. Uống thuốc ngày 1 lần vào bữa sáng. Nếu quên uống thuốc một ngày, không uống bù trong ngày hôm sau.
10	TY41021	Mebeverin hydroclorid-200mg	DUSPATALIN RETARD	Viên nang cứng giải phóng kéo dài.	Dạng bào chế viên nang cứng giải phóng kéo dài	Uống thuốc với một cốc nước trước khi ăn, không nên nhai viên thuốc.
11	TY31029	Kali clorid-600mg	KALEORID	Viên nén bao phim giải phóng chậm.	Dạng bào chế viên nén bao phim giải phóng chậm.	Uống nguyên viên với một ly nước đầy trong hay sau bữa ăn.
	Thuốc bao tan trong ruột					
12	TY34326	Valproat natri-200mg	MILEPSY 200	Viên nén bao phim tan trong ruột.	Dạng bào chế viên nén bao tan trong ruột.	Uống nguyên viên, không nhai hay nghiền nát viên thuốc.
13	TY34007	Acetylsalicylic acid-81mg	ASPIRIN 81	Viên nén bao phim tan trong ruột.	Dạng bào chế viên nén bao phim tan trong ruột.	Uống nguyên viên thuốc sau khi ăn, không được nhai hay nghiền ra.
14	TĐP04.135	Pantoprazol - 40mg	PANTOPRAZOL	Viên nang cứng.	Dạng bào chế viên nang cứng.	Uống nguyên viên, không được bẻ, nhai hoặc làm vỡ viên thuốc.
15	TĐP03.134		DOGASTROL 40MG	Viên nén bao phim tan trong ruột.	Dạng bào chế viên nén bao phim tan trong ruột.	
16	TY44220	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol pellet 8,5%)-20mg	KAGASDINE	Viên nang cứng.	Dạng bào chế viên nang cứng.	Uống nguyên viên thuốc với nửa cốc nước, không nhai hay nghiền viên thuốc. Uống vào buổi sáng.
17	TY44120	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazol magnesi dihydrat 43,4mg) -40mg	A.T ESOMEPRAZOL 40 TAB	Viên nén bao phim tan trong ruột.	Dạng bào chế viên nén bao tan trong ruột.	Nuốt cả viên thuốc, không được nghiền nhỏ hoặc nhai. Uống thuốc ít nhất 1 giờ trước bữa ăn.
18	TY44161	Lansoprazol (dưới dạng vi hạt bao tan trong ruột Lansoprazol 8,5%)-30mg	LANSOPRAZOL	Viên nang cứng.	Dạng bào chế viên nang cứng.	Không cắn vỡ hoặc nhai viên nang. Thuốc uống trước khi ăn.

STT	Mã số	Tên hoạt chất - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Diễn giải	Hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách dùng thuốc
19	TY44045	Bisacodyl-5mg	BISACODYLDHG	Viên nén bao phim tan trong ruột	Dạng bào chế viên nén bao phim tan trong ruột.	Uống nguyên viên, không được nhai thuốc trước khi uống. Thuốc uống vào buổi tối.
20	TY44030	Amylase + lipase + protease-4080UI+3400UI+238UI	PANCRES	Viên nén bao phim tan trong ruột.	Dạng bào chế viên nén bao phim tan trong ruột.	Nuốt nguyên viên, không nghiền nát viên thuốc. Thuốc uống trong bữa ăn.
21	TY44187	Mesalazin (Mesalamin)-500mg	OPEMESAL	Viên nén bao tan ở ruột.	Dạng bào chế viên nén bao tan ở ruột.	Uống cả viên thuốc với nước, không được nhai. Nên uống thuốc trước bữa ăn ít nhất 1 giờ.
	Thuốc viên sủi					
22	TĐP02.143	Paracetamol (acetaminophen)-500mg	PARTAMOL EFF.	Viên nén sủi bọt.	Dạng bào chế viên nén sủi bọt.	Hòa tan viên thuốc trong ít nhất nửa cốc nước, uống ngay sau khi thuốc đã hòa tan hoàn toàn.
23	TĐP04.149	Paracetamol (acetaminophen)-650mg	PANALGAN® EFFER 650			
24	TY44052	Calci carbonat + calci gluconolactat-0,15g + 1,47g	CALCIUM HASAN 250MG	Viên nén sủi bọt.	Dạng bào chế viên nén sủi bọt.	Hòa tan viên nén sủi bọt trong khoảng 150 - 200 ml nước. Uống ngay sau khi viên thuốc hòa tan hoàn toàn.
25	TY42006	Calci carbonat + calci gluconolactat-300mg+2.940mg	CALCIUM STELLA 500MG			
26	TY44057		CALFIZZ			
27	TY42016	Vitamin C-1g	VITAMIN C STELLA 1G	Viên nén sủi bọt.	Dạng bào chế viên nén sủi bọt.	Hòa tan viên thuốc vào khoảng 200ml nước, sử dụng sau khi hết sủi bọt và tan hoàn toàn. Có thể điều chỉnh lượng nước pha để mùi vị dung dịch theo ý thích.
28	TY44291		KINGDOMIN VITA C			
	Thuốc viên nén nhai					
29	TY44016	Aluminum Hydroxide + Magnesium Hydroxide + Simethicone-178mg + 233mg + 30mg	Kremil-S	Viên nén nhai.	Dạng bào chế viên nén nhai.	Nhai kỹ trước khi nuốt.

STT	Mã số	Tên hoạt chất - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Diễn giải	Hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách dùng thuốc
30	TY44258	Simethicon (dưới dạng Simethicon powder 65%)-80mg	Simethicon	Viên nén nhai.	Dạng bào chế viên nén nhai.	Nhai kỹ trước khi nuốt.
31	TY44051	Calci carbonat-625mg	KITNO	Viên nén nhai.	Dạng bào chế viên nén nhai.	Nhai nát viên và nuốt, không nên nuốt nguyên cả viên. Mỗi viên dùng với một cốc nước đầy. Uống trước bữa ăn.
	Khuyến cáo của nhà sản xuất					
32	TY44080	Celecoxib-200mg	BV Celex 200	Viên nang cứng.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc cùng với nước.
33	TY44096	Diacerein-50mg	CYTAN	Viên nang.	Khuyến cáo của NSX.	Thuốc phải được uống nguyên viên không được làm vỡ viên thuốc uống với 1 ly nước. Nên uống thuốc cùng với bữa ăn.
34	TY43011	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)-500mg	CIPROFLOXACIN	Viên bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc với một ít nước.
35	TY44085		CIPROFLOXACIN 500MG			
36	TY43013	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512,46mg) -500mg	LEVODHG 500	Viên nén bao phim .	Khuyến cáo của NSX	Nuốt nguyên viên thuốc với một lượng nước vừa đủ, không nghiền nát viên thuốc. Uống trong bữa ăn hoặc giữa các bữa ăn.
37	TY44216	Ofloxacin-200mg	Ofloxacin	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX	Uống nguyên viên với đủ nước.
38	TY41007	Carbamazepine-200mg	TEGRETOL 200	Viên nén.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc với một ít nước, không nhai viên thuốc.
39	TY44113	Dutasterid-0,5mg	Dutaon	Viên nang mềm.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên nang, không nhai hoặc mở viên.
40	TY44211	Nicorandil-5mg	A.T NICORANDIL 5MG	Viên nén.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc 2 lần mỗi ngày vào buổi sáng và buổi tối.
41	TY44105	Diosmin + hesperidin-450mg+50mg	DAFODIN	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Thuốc nên uống vào các bữa ăn.

STT	Mã số	Tên hoạt chất - Hàm lượng	Tên thương mại	Dạng bào chế	Diễn giải	Hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân cách dùng thuốc
42	TY44049	Bisoprolol fumarat; Hydrochlorothiazid -2,5mg; 6,25mg	BOREAS	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc với nước. Nên uống thuốc vào buổi sáng, có thể uống cùng hoặc không cùng với bữa ăn.
43	TY44047	Bisoprolol fumarat-5mg	Bisoprolol	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc, không nhai, uống thuốc vào buổi sáng có thể uống kèm thức ăn.
44	TY44001	Acarbose-100mg	ARBOSNEW 100	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Uống thuốc vào đầu bữa ăn, viên thuốc phải nhai cùng với miếng ăn đầu tiên hoặc nuốt cả viên cùng với ít nước ngay trước khi ăn.
45	TĐP01.102	Metformin-850mg	METFORMIN STELLA 850MG	Viên nén bao phim.	Khuyến cáo của NSX.	Uống nguyên viên thuốc, uống trong hoặc sau bữa ăn, không được nhai viên thuốc.
	TĐP02.103		METSAV 850	Viên nén.		
	TĐP04.104		METFORMIN 850MG	Viên nén.		

Tài liệu tham khảo:
- Thông tin nhà sản xuất.

TRƯỞNG KHOA DƯỢC-VT-TTB-CNK

Lê Công Trầm

NGƯỜI LẬP BẢNG

Phan Ngọc Tuyền